

CHÍNH PHỦ
Số: 91/2006/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là Luật).

Điều 2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định tại Nghị định này phải có đầy đủ các yếu tố sau đây:

- Do Hội đồng nhân dân ban hành theo hình thức nghị quyết, Ủy ban nhân dân ban hành theo hình thức quyết định, chỉ thị;
- Được ban hành theo thủ tục, trình tự quy định tại Luật;
- Có chứa quy tắc xử sự chung (quy phạm pháp luật), được áp dụng nhiều lần đối với mọi đối tượng hoặc một nhóm đối tượng và có hiệu lực trong phạm vi địa phương;
- Được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp theo quy định của pháp luật.

2. Các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành, nhưng không có đầy đủ các yếu tố của văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, như: nghị quyết về miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và các chức vụ khác; nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và bầu các chức vụ khác; nghị quyết về việc giải tán Hội đồng nhân dân; nghị quyết về việc phê chuẩn cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; nghị quyết về việc thành lập, sáp nhập, giải thể một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; quyết định thành lập các ban, ban chỉ đạo, hội đồng, Ủy ban lâm thời để thực hiện nhiệm vụ trong một thời gian xác định; nghị quyết về chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; nghị quyết hủy bỏ, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; nghị quyết về tổng biên chế ở địa phương; quyết định về chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân; quyết định phê duyệt kế hoạch, quy hoạch phát triển đối với một ngành, một đơn vị hành chính địa phương; quyết định giao chỉ tiêu cho từng cơ quan, đơn vị; quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của đơn vị hành chính địa phương, quy hoạch ngành; quyết định về chỉ tiêu biên chế cơ quan, đơn vị; quyết định về khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính cho từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và những văn bản tương tự khác để giải quyết những vụ việc cụ thể đối với những đối tượng cụ thể.

Các văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, như: quyết định thành lập đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; quyết định ban hành quy chế hoạt động của các hội đồng, ban, ban chỉ đạo, Ủy ban lâm thời; quyết định ban hành quy chế nội bộ của cơ quan, đơn vị; quyết định lên lương, khen thưởng, kỷ luật, điều động công tác; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, tạm đình chỉ công tác cán bộ, công chức; quyết định xử lý vi phạm hành chính; các văn bản có tính chất chỉ đạo, điều hành hành chính; văn bản hướng dẫn việc tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn chuyên

môn, nghiệp vụ; văn bản phát động phong trào thi đua, biểu dương người tốt, việc tốt và những văn bản tương tự khác để giải quyết những vụ việc cụ thể đối với những đối tượng cụ thể thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

3. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm c nhưng không có đủ các yếu tố được quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều này như công văn, thông báo, điện báo, hướng dẫn và các giấy tờ hành chính khác thì phải bị đình chỉ thi hành và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quy định tại Điều 51 của Luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải quy định cụ thể thời điểm có hiệu lực tại văn bản. Việc xác định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

a) Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phải sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành;

b) Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện) phải sau 7 (bảy) ngày, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành;

c) Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã) phải sau 5 (năm) ngày, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành;

d) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cần dành thời gian thích hợp để tuyên truyền, phổ biến nội dung đến đối tượng thi hành, cần thời gian để người dân có điều kiện cập nhật văn bản hoặc để chuẩn bị các điều kiện cho việc tổ chức thực hiện thì thời điểm có hiệu lực của văn bản được

quy định muộn hơn so với thời điểm quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

2. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp quy định các biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh đột xuất, khẩn cấp quy định tại Điều 47 của Luật thì thời điểm có hiệu lực của văn bản có thể bắt đầu từ ngày ký ban hành và phải được quy định cụ thể trong văn bản.

Điều 4. Thẩm quyền ký văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 29, khoản 3 Điều 32, khoản 4 Điều 34, khoản 3 Điều 40, khoản 3 Điều 44 và khoản 4 Điều 46 của Luật

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân có thể ký thay Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay mặt Ủy ban nhân dân ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ký thay Chủ tịch.

Điều 5. Dịch văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ra tiếng nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 6 của Luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có thể được dịch ra tiếng nước ngoài.

2. Việc dịch văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ra tiếng nước ngoài phải bảo đảm đúng nội dung của văn bản được dịch, từ ngữ trong bản dịch phải chính xác.

3. Bản dịch văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ra tiếng nước ngoài chỉ có giá trị tham khảo.

Điều 6. Số, ký hiệu, thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải được đánh số thứ tự và ký hiệu theo quy định tại Điều 7 của Luật.

2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải được ban hành đúng thể thức, bảo đảm đầy đủ các yếu tố sau:

- a) Quốc hiệu;
- b) Tên cơ quan ban hành văn bản;
- c) Số và ký hiệu văn bản;
- d) Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản;
- đ) Tên loại văn bản, trích yếu nội dung văn bản;
- e) Nội dung văn bản;
- g) Chức vụ, họ tên và chữ ký của người có thẩm quyền;
- h) Dấu của cơ quan ban hành văn bản;
- i) Nơi nhận.

Thể thức cụ thể từng hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thể thức văn bản và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Đăng báo, đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 8 và Điều 51 của Luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được đăng toàn văn trên một tờ báo in chính thức của Đảng bộ cấp tỉnh trong thời hạn chậm nhất là 5 (năm) ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân thông qua hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký ban hành.

Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đến cơ quan báo chí để đăng báo trong thời hạn chậm nhất là 3 (ba) ngày, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Cơ quan báo chí có trách nhiệm đăng báo chậm nhất là 2 (hai) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được đăng trên Công báo cấp tỉnh chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày